

Bản án số 12 /2017/ DS-ST

Ngày: 05 – 7 - 2017

*“Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thiện**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Lâm Tới**
2. Bà: **Nguyễn Thị Minh Chuyên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Việt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát Viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm
2016 về *“tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 09/2017/QĐXX - ST ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Hải Đ**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp S T, xã T S, huyện T B, tỉnh An Giang – Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ Nh**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 09, khóm S Đ, thị trấn N B, huyện T B, tỉnh An Giang – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2016 ông Tạ Hải Đ cho rằng: Vào
ngày 27/10/2015 bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có mượn số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất
1%/tháng, hứa đóng lãi hàng tháng, nhưng bà Nh chỉ đóng lãi được một tháng bằng
400.000 đồng rồi không đóng lãi nữa và cũng không có ý định trả tiền vốn. Ông Đ
yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nh phải trả số tiền 40.000.000 đồng tiền vốn và
3.200.000 đồng tiền lãi (tính từ tháng 12/2015 đến tháng 7/2016). Ngày 19/3/2017
có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại biên bản phiên họp kiểm tra giao
nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/4/2017 và tại phiên tòa ông
Đ xác định vào tháng 6/2012 có cho bà Nh vay 14.000.000 đồng, tháng 10/2012
cho bà Nh vay tiếp 10.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ và có thỏa thuận

lãi suất 5%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 6/2012 đến tháng 11/2012 bà Nh đã đóng lãi được 4.000.000 đồng; tháng 9/2015 đóng được 10.000.000 đồng và đến tháng 10/2015 đóng được 400.000 đồng, như vậy tổng cộng tiền lãi bà Nh đã đóng được 14.400.000 đồng rồi ngưng không đóng lãi cũng như trả vốn. Ngày 19/3/2017 ông Đ có đơn rút một phần của đơn khởi kiện, theo đó ông rút yêu cầu đòi bà Nh trả 16.000.000 đồng tiền vốn và 3.200.000 đồng tiền lãi, và các phiên họp tiếp cận và giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải ông Đặng chỉ yêu cầu bà Nh phải trả số tiền vốn là 24.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật đến khi trả hết nợ, sau khi khấu trừ 14.400.000 đồng tiền lãi bà Nh đã đóng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh thừa nhận về thời gian cũng như số tiền vay như ông Đ đã trình bày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà có đóng tiền lãi cho ông Đ nhưng không đầy đủ, có tháng đóng, có tháng thiếu lại nhưng đóng dần. Mặc dù bà không nhớ đóng bao nhiêu lần và số lần là bao nhiêu, và việc đóng tiền lãi hai bên cũng không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến, nhưng theo suy đoán thì bà đã đóng tiền lãi cho ông Đ từ khi vay cho đến khi bà làm biên nhận nợ ngày 27/10/2015 với số tiền là 30.400.000 đồng, bởi vì: Tổng số tiền lãi của 24.000.000 đồng vốn, lãi suất 5%/tháng, tính từ tháng 6/2012 đến ngày 27/10/2015 (Ngày bà làm biên nhận nợ cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng), nhưng trong số tiền này có 24.000.000 đồng còn lại 16.000.000 đồng tiền lãi, nếu như ông Đ cho rằng bà chỉ thiếu 40.000.000 đồng (theo biên nhận), trong đó 24.000.000 đồng tiền vốn thì bà chỉ còn thiếu 16.000.000 tiền lãi. Như vậy, nếu như bà đóng đủ tiền lãi của 24.000.000 đồng tiền vốn trên lãi suất 5%/tháng tính đến tháng 10/2015 thì bằng số tiền 46.400.000 đồng, ông Đ cho rằng còn thiếu 16.000.000 đồng tiền lãi thì đương nhiên bà đã đóng lãi được 30.400. 000 đồng (46.400.000 đồng– 16.000.000 đồng). Bà Nh yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền lãi 30.400.000 đồng, còn lại bao nhiêu sẽ đóng lãi trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau đó mới trả dần vốn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Tạ Hải Đ không yêu cầu bà Nh phải trả lãi tiếp ngoài số tiền 14.400.000 đồng đã đóng trước đây, chỉ yêu cầu bà Nh phải trả số tiền vốn 24.000.000 đồng, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh vẫn giữ nguyên quan điểm

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

-Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng khi thụ lý đến khi xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án đã vi phạm thời hạn xét xử.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Về chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chấp hành đúng các qui định của pháp luật khi tham gia tố tụng

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đã thống nhất số tiền vay ban đầu vào tháng 6 năm 2012 bà Nh vay 10.000.000 đồng, đến tháng 10 năm 2012 vay thêm 14.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản vay là 24.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng, ông Đ yêu cầu tính lãi suất từ tháng 10 năm 2012 cho đến khi xét xử sau khi khấu trừ khoản tiền lãi 14.400.000 đồng bà Nh đã đóng lãi. Bà Nh cho rằng đã đóng lãi cho ông Đ từ tháng 6 năm 2012 đến ngày 27 tháng 10 năm 2015 là 30.400.000 đồng nhưng ông Đ chỉ thừa nhận bà Nh chỉ , đóng lãi được 14.400.000 đồng, ngoài lời khai, bà Nh không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã đóng lãi cho ông Đ số tiền 30.400.000 đồng, nên yêu cầu của bà Nh không có cơ sở xem xét.

Đối với phần lãi suất, ông Đ và bà Nh thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đ buộc bà Nh phải trả số tiền 24.000.000 đồng (Nếu số tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bằng hoặc cao hơn số tiền 14.400.000 đồng lãi suất ông Đ đã nhận của bà Nh)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

-Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản, do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có địa chỉ tại: Tổ 09, khóm S Đ, thị trấn N B, huyện T B, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

-Đối với yêu cầu của ông Tạ Hải Đ, tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2016 ông Đ đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nh phải trả số tiền vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 7/2016 là 3.200.000 đồng, ngày 19/3/2017 ông Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/4/2017 ông Đ xin rút yêu cầu về tiền vốn là 16.000.000 đồng và tiền lãi 3.200.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa hôm nay ông Đ chỉ yêu cầu bà Nh phải trả tiền vốn 24.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi phát sinh thêm sau này ngoài số tiền 14.400.000 đồng đã đóng lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ về yêu cầu bà Nh trả 16.000.000 tiền vốn và 3.200.000 đồng, tiền lãi và tiền lãi phát sinh tiếp theo sau khi khấu trừ 14.400.000 đồng bà Nh đã đóng; nếu sau này ông Đ khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông Đ không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét việc vay tiền giữa ông Đ và bà Nh trên cơ sở tự nguyện và thực tế đã xảy ra, đồng thời hai bên cùng thừa nhận; theo đó ông Đ đã cho bà Nh vay số tiền 24.000.000 đồng làm hai đợt vào tháng 6/2012 và tháng 10/2012, lãi suất 5%/ tháng, Các bên chỉ tranh chấp về số tiền lãi đã đóng và phương thức trả nợ.

Theo ông Đ thì cho rằng bà Nh chỉ đóng lãi số tiền là 14.400.000 đồng bao gồm: từ tháng 6/2012 đến tháng 11/2012 bà Nh đã đóng lãi được 4.000.000 đồng; tháng 9/2015 đóng được 10.000.000 đồng và đến tháng 10/2015 đóng được 400.000 đồng

Bà Nh thì cho rằng đã đóng lãi cho ông Đ với số tiền là 30.400.000 đồng,

Xét thấy bà Nh cho rằng đã đóng lãi cho ông Đ với số tiền là 30.400.000 đồng, nhưng không được ông Đ thừa nhận, ngoài lời khai ra bà Nh cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã đóng lãi cho ông Đ với số tiền là 30.400.000 đồng. Trong lời khai của bà Nh cũng không đồng nhất với nhau, cụ thể: Tại bản tự khai ngày 19/10/2016 bà thừa nhận thời gian đầu có đóng lãi đầy đủ, nhưng về sau không có đóng, tại biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/3/2017, bà Nh đã cho rằng đã trả cho ông Đ số tiền 14.400.000 đồng, hơn nữa bà cho rằng số tiền 30.400.000 đồng đã trả cho ông Đ là tự bà suy đoán mà không có căn cứ chứng minh, từ đó không đủ cơ sở để chấp nhận việc bà đã đóng số tiền lãi cho ông Đ số tiền 30.400.000 đồng, mà chỉ chấp nhận khoản tiền mà bà đã đóng lãi cho ông Đ như sau:

- Từ tháng 6/2012 đến tháng 11/2012: $14.000.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 3.500.000 \text{ đồng}$; $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{tháng} \times 1 \text{ tháng} = 500.000 \text{ đồng} = 500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 4.000.000 đồng

- Tháng 9/2015: 10.000.000 đồng

- Tháng 10/2015 : 400.000 đồng

Tổng cộng tiền lãi đã đóng là 14.400.000 đồng.

Đối với các bên thỏa thuận về lãi suất và chị Nh đã trả lãi suất trong thời gian từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 11 năm 2012 với mức lãi suất 5%/tháng là quá cao nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp pháp luật. Ông Đ có yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất là 20%/năm (Tương ứng 1,666%/tháng, 0,055%/ngày).

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Thời gian vay tiền 14.000.000 đồng từ tháng 6 năm 2012 (Dương lịch) đến ngày 27 tháng 10 năm 2015 là 03 năm, 03 tháng 27 ngày. Số tiền lãi tính như sau:

- $14.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ năm} \times 20\%/\text{năm} = 8.400.000 \text{ đồng}$

- $14.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} \times 1,666\%/\text{tháng} = 699.720 \text{ đồng}$

- $14.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 23.100 \text{ đồng}$

Cộng: 9.122.820 đồng (1)

Thời gian vay tiền 10.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2012 (Dương lịch) đến ngày 27 tháng 10 năm 2015 là 03 năm, 27 ngày. Số tiền lãi tính như sau:

- 10.000.000 đồng x 03 năm x 20%/năm = 6.000.000 đồng
- 10.000.000 đồng x 27 ngày x 0,055 = 148.500 đồng

Cộng: 6.148.500 đồng.

Tổng cộng (1) và (2) : 15.271.320 đồng.

Bà Nh đã đóng lãi 14.400.000 đồng, nên còn thiếu lại tiền lãi là: 871.320 đồng.

Tiền lãi phát sinh từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 7 năm 2017 là 01 năm 08 tháng 07 ngày.

-24.000.000 đồng x 1 năm x 20%/năm = 4.800.000 đồng

-24.000.000 đồng x 08 tháng x 1,666%/tháng = 3.198.720 đồng

-24.000.000 đồng x 7 ngày x 0,055%/ngày = 92.400 đồng

Cộng: 8.091.120 đồng.

Như vậy khoản tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 871.320 đồng + 8.091.120 đồng = 8.962.440 đồng. Lẽ ra bà Nh phải trả thêm tiền lãi cho ông Đ số tiền 8.962.440 đồng, nhưng ông Đ không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết, mà chỉ buộc bà Nh phải trả tiền vốn 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu) là phù hợp

[3]. Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải trả cho anh Đ. Yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, như vậy ông Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trả 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu) tiền vốn và 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn) tiền lãi và khoản tiền lãi phát sinh thêm sau này ngoài số tiền 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng) đã đóng lãi của ông Tạ Hải Đ; nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Áp dụng các Điều 466, 468, 471, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, và Điều 35, Điều 39 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hải Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải trả cho ông Tạ Hải Đ số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm ngàn đồng)

Ông Tạ Hải Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.075.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số TU/2015/ 0010086 ngày 22 tháng 8 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- VKS.ND Huyện TB;
- TAND Tỉnh AG;
- Các đương sự;;
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện

